

Nghiên cứu, khảo sát lớp từ ngữ thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong sách Tiếng Việt Lớp 5

Chu Thị Hà Thanh*, Vũ Thị Yến Nhi**

* TS. Trường Đại học Vinh

** Cao học K29, Trường Đại học Vinh

Received: 26/4/2023; Accepted: 4/5/2023; Published: 8/5/2023

Abstract: The word “superlative” expresses represents the cognitive and cultural characteristics of the Vietnamese people and is commonly used in speech and literature. The article has the content of studying the “superlative” expresses of words in various aspects: surveying the data of reading exercises, analyzing the structure and descriptive categories, understanding the effects of this class of words, then creating a basis for teaching reading comprehension and applying it to writing essays in primary school.

Keywords: “Superlative” expresses, 5th grade Vietnamese books, Readings

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt, các từ biểu thị tính chất, trạng thái như *cao, thấp, to, nhỏ, đen, trắng, xanh, tím, sáng, tối, xa, gần*, v.v. được kết hợp với những tiếng như *au, áp, lác, nghệu, nhòng, sì, tè, xít*, v.v. theo cú pháp nhất định tạo nhiều hình thức diễn đạt vừa biểu hiện ý nghĩa “cực cấp”, vừa miêu tả những đặc điểm, sắc thái khác nhau của tính chất, trạng thái đó. Các kết quả kết hợp đó là: *cao nhòng/ vút/ nghệu/ v.v., thấp tè/ chùn/ v.v., đen lác/ sì/ thui/ v.v., to đùng/ bành/ v.v., nhỏ xíu/ téo/ v.v., trắng phau/ xóa/ tinh/ v.v., xanh biếc/ um/ v.v., tím ngắt/ rịm/ v.v., sáng trưng/ rực/ quắc/ v.v., tối hù/ om/ v.v., xa lác/ hút/ v.v., gần xít/ xệu*, v.v.. Các nhà nghiên cứu gọi những hình thức diễn đạt này là từ ngữ chỉ mức độ cao (Huỳnh Thị Hồng Hạnh, 2002) hoặc từ ngữ thể hiện ý nghĩa cực cấp (M. Prévot, 2007). Chúng tôi gọi lớp từ này là từ ngữ “cực cấp” (*Superlative expresses*).

Từ ngữ “cực cấp” được biểu hiện bằng những hình thức cấu trúc: từ đơn (*ấp, biếc, khú, ngồng, thăm*, v.v.); ngữ đoạn 2 tiếng (*đen sì, xanh biếc, cao ngồng, già khú, xa thăm*, v.v.); ngữ đoạn 3 tiếng (*đầy ăm ắp, xanh biêng biếc, xa thăm thăm, cao chông ngồng, béo múp múp, đỏ chon chót, đông nghìn nghịt*, v.v.); ngữ láy đôi (*ăm ắp, biêng biếc, thăm thăm, chông ngồng*, v.v.); ngữ láy ba/ tư (*khít khìn khịt, sạch sành sanh, sát sần sạt, béo múp béo múp, trông hơ trông hoác*, v.v.); thành ngữ so sánh (*chậm như rùa, nhanh như cắt*, v.v.); thành ngữ không so sánh (*hồn siêu phách lạc, lặng tiếng im hơi*, v.v.).

Khảo sát sách Tiếng Việt 5 chương trình tiểu học hiện hành, chúng tôi nhận thấy lớp từ ngữ “cực cấp”

xuất hiện trong một số ngữ liệu văn học. Chúng tôi tìm hiểu, thống kê lớp từ ngữ “cực cấp” có trong các bài tập đọc, tiền hành phân tích, nhận xét về mặt số lượng, giải thích nghĩa của lớp từ này để giúp HS (HS) học tốt hơn ở phần đọc hiểu văn bản và từ đó có điều kiện luyện từ và câu, viết bài làm văn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Từ “cực cấp” trong các bài tập đọc sách Tiếng Việt 5

2.1.1. Số lượng

Theo phân bố chương trình trong sách Tiếng Việt 5, Tập đọc được phân bố 2 tiết/ tuần (không tính tuần ôn tập), mỗi tiết, HS tập đọc một đoạn/ bài văn/ thơ theo số lượng như sau:

- Học kỳ 1 (16 tuần): 32 bài tập đọc, trong đó có 22 bài văn xuôi và 10 bài thơ;
- Học kỳ 2 (15 tuần): 30 bài tập đọc, trong đó có 22 bài văn xuôi và 8 bài thơ.

Như vậy, trong năm học, HS lớp 5 được học 62 bài tập đọc, trong đó có 44 bài văn xuôi và 18 bài thơ. Khảo sát 62 bài tập đọc lớp 5, chúng tôi thu được:

- Số lượng bài tập đọc có từ ngữ “cực cấp” chiếm gần hoặc hơn phân nửa tổng số bài tập đọc (46,8%);
- Văn bản văn xuôi gấp 2,4 lần văn bản thơ - tuy nhiên, từ ngữ “cực cấp” lại chỉ lớn hơn 1, 4 lần.

Bảng 2.1. Số lượng từ ngữ “cực cấp” trong các bài tập đọc lớp 5

Số lượng	Văn	Thơ	Tổng
Bài Tập đọc có từ ngữ “cực cấp”	17	12	29
Từ ngữ “cực cấp” trong các bài Tập đọc	38 (66,7%)	19 (33,3%)	57

Nhìn vào bảng trên, chúng ta thấy, số lượng từ ngữ “cực cấp” có trong bài tập đọc thể loại văn xuôi gấp hai lần số lượng từ ngữ “cực cấp” trong bài tập đọc thể loại thơ.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thống kê được: trong mỗi bài tập đọc thường có từ 1 đến 2 từ ngữ “cực cấp” khác cấu trúc và phổ biến là 1 từ ngữ “cực cấp” xuất hiện 1 lần/ bài. Nhưng cũng có những bài tập đọc có từ 3 đến 9 từ ngữ “cực cấp”, ví dụ: Quang cảnh làng mạc ngày mùa: 9; Kì diệu rừng xanh: 6; Mùa thảo quả: 5; Chuyện một khu vườn nhỏ: 4; Buôn Chư Lênh đón cô giáo: 3; Tiếng rao đêm, Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Những cánh buồm, mỗi bài: 3. Trong đó, có một số từ ngữ được lặp lại từ 1 đến 2 lần trong một bài hoặc khác bài, như: rục: 2 lần; đằm, bạc phơ, bát ngát, tí hon, xanh biếc: 1 lần.

2.1.2. Cấu trúc

Qua khảo sát, có thể thấy, từ ngữ “cực cấp” có cấu trúc ngữ đoạn 2, 3 tiếng và ngữ láy như *bạc phơ, bát ngát, cao vút, trong veo, vàng hoe, im thin thít, tí hon, xanh biếc*, v.v.. Xuất hiện trong nhiều bài Tập đọc lớp 5 là những từ ngữ phổ biến, phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học.

Bảng 2.2. Cấu trúc của lớp từ ngữ “cực cấp” trong sách Tiếng Việt 5

Cấu trúc từ ngữ “cực cấp”	Số lượng và tỉ lệ
Từ 1 tiếng	3/57 (5,2%)
Ngữ đoạn 2 tiếng	38/57 (66,7%)
Ngữ đoạn 3 tiếng	5/57 (8,8%)
Ngữ láy đôi	9/57 (15,8%)
Ngữ láy 3/ 4 tiếng	0
Thành ngữ	2/57 (3,5%)

2.1.3. Phạm trù miêu tả

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy sách Tiếng Việt 5 cung cấp từ ngữ “cực cấp” thuộc các phạm trù miêu tả thông thường, phù hợp với năng lực HS tiểu học. Với 57 từ ngữ “cực cấp” có trong sách Tiếng Việt 5, những phạm trù của chúng thể hiện là: màu sắc: 21/57 (47,4%); chiều kích: 12/57 (21,1%); chất lượng: 6/57 (10,5%); hình thể: 5/57 (8,8%); nhiệt độ: 3/57 (5,3%); tốc độ: 2/57 (3,5%); kết tinh: 2/57 (3,5%); âm lượng, độ nhìn, hương vị, trạng thái tinh thần, độ ẩm, bén sắc, chín: 1/57 (1,8%). Có thể nhận thấy sách Tiếng Việt 5 chú trọng cung cấp từ ngữ “cực cấp” thuộc các phạm trù miêu tả về màu sắc, chiều kích, hình thể, chất lượng, âm lượng, nhiệt độ,

độ nhìn, số lượng, hương vị. Đây là những phạm trù miêu tả thông thường, phổ biến và phù hợp với HS tiểu học. Với lượng tuy không nhiều nhưng cũng đủ giúp HS lớp 5 mở rộng vốn từ, có một lượng từ ngữ “cực cấp” cơ bản để có thể áp dụng, vận dụng trong quan sát, cảm nhận, miêu tả chi tiết, cụ thể về đặc điểm, sắc thái của tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng chung quanh, gần gũi với các em.

Bảng 2.3. Các phạm trù miêu tả của lớp từ ngữ “cực cấp” trong sách Tiếng Việt 5

Các phạm trù miêu tả	Số lượng và tỉ lệ
Màu sắc	21/57 (47,4%)
Chiều kích	12/57 (21,1%)
Chất lượng	6/57 (10,5%)
Hình thể	5/57 (8,8%)
Nhiệt độ	3/57 (5,3%)
Tốc độ	2/57 (3,5%)
Kết tinh	1/57 (1,8%)
Âm lượng	1/57 (1,8%)
Độ nhìn	1/57 (1,8%)
Hương vị	1/57 (1,8%)
Trạng thái tinh thần	1/57 (1,8%)
Độ ẩm	1/57 (1,8%)
Độ bén sắc	1/57 (1,8%)
Độ chín	1/57 (1,8%)
Lực	0
Số lượng	0
Hiện hữu	0
Đức tính	0
Trọng lượng	0
Độ nguyên	0

2.2. Tác dụng của từ ngữ “cực cấp” trong các bài tập đọc ở sách Tiếng Việt 5

Cùng với các lớp từ ngữ khác, lớp từ ngữ “cực cấp” trong những bài tập đọc lớp 5 được sử dụng theo từng chủ điểm không chỉ nhằm giáo dục tâm hồn, nhân cách mà còn mục đích cung cấp kiến thức về từ vựng tiếng Việt, giúp HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt sao cho hay, đẹp, phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống giao tiếp. Đặc biệt, trong dạy học luyện từ và câu và làm văn miêu tả, từ ngữ “cực cấp” - thường được gọi là từ gợi tả, giúp HS miêu tả đặc điểm về tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng hết sức sinh động.

(Xem tiếp trang 76)

Sản phẩm nghệ thuật	Làm đồ gốm, điêu khắc, làm thơ, đồ mỹ nghệ
Ấn phẩm truyền thông	Các bài hướng dẫn tìm hiểu lịch sử, giới thiệu các dịch vụ, tài liệu điều tra, sách hướng dẫn
Đa phương tiện	
Bài trình bày	Đề cương trình bày thuyết minh, phát biểu gây cảm hứng, tranh luận ủng hộ - phản đối, phân tích nghiên cứu
Thể hiện kỹ năng	Tiến trình thí nghiệm khoa học, những hướng dẫn thao tác kỹ năng, tư vấn cho người học lớp dưới
Tính sáng tạo trình diễn	Nghệ thuật biểu diễn, ngôn ngữ văn học,
Mô phỏng	Đóng vai, tái hiện các sự kiện lịch sử

Trong suốt tiến trình dự án, các công cụ được phối hợp sử dụng tùy vào từng thời điểm. Mỗi kỹ thuật giúp đánh giá năng lực người học.

3. Kết luận

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học

quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học hiện đại như: định hướng vào người học, định hướng hành động, dạy học giải quyết vấn đề và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc đào tạo năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của người học.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hương Trà, 2007, *Dạy học dự án và tiến trình thực hiện*, Tạp chí giáo dục, 157, kỳ 1-3.
2. Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Diệu Thảo, 2004, *Dạy học theo dự án – Phương pháp có chức năng kép trong đào tạo giáo viên*. Tạp chí giáo dục, 80.
3. Nguyễn Thanh Nga, Đỗ Hương Trà, 2010. *Dạy học dự án cho sinh viên kỹ thuật và kết quả đạt được*, Tạp chí khoa học, 05, Huế.

Nghiên cứu, khảo sát lớp từ ngữ... (tiếp theo trang 47)

Cùng là màu rất vàng nhưng mỗi màu vàng “cực cấp” có đặc điểm riêng, khác nhau của từng sự vật, hiện tượng mà tác giả đã quan sát, nhận ra, cảm nhận và dùng từ ngữ “cực cấp” miêu tả thích hợp.

Chính vì thế, trong bài Luyện từ và câu, sách giáo khoa có chú trọng hướng dẫn HS đặt câu có từ ngữ “cực cấp” để miêu tả tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. Ví dụ, trong bài Luyện từ và câu “Tổng kết vốn từ”, sách giáo khoa có dùng các ví dụ như: *đen nhánh, óng á; đen láy; vuông vức; trắng trẻo, nhẵn nhéo,...* để hướng dẫn HS tìm các từ ngữ miêu tả mái tóc, đôi mắt, khuôn mặt, làn da của con người (Tiếng Việt 5, tập 1, tr. 151).

Để có thể sử dụng được những từ ngữ “cực cấp” như trên đòi hỏi HS phải có vốn từ ngữ “cực cấp” phong phú, biết quan sát, cảm nhận được những sắc thái khác nhau của tính chất, trạng thái đối với từng sự vật, hiện tượng.

Như thế, lớp từ ngữ “cực cấp” có vai trò quan trọng trong việc dạy học luyện từ/ câu, làm văn, và có tác dụng giúp HS quan sát, miêu tả hết sức cụ thể, rõ ràng, sinh động về đặc điểm tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng.

3. Kết luận

Từ ngữ “cực cấp” là một lớp từ ngữ trong kho từ vựng tiếng Việt, thể hiện đặc trưng văn hóa, tri nhận của người Việt, được sử dụng phổ biến trong khẩu ngữ và văn chương; và cũng được giảng dạy cho HS

tiểu học. Nhưng việc giảng dạy vốn từ ngữ “cực cấp” cho HS lớp 5 ở trường tiểu học chưa được quan tâm đúng mức. *Thứ nhất*, sách giáo khoa Tiếng Việt 5 không giải thích đầy đủ ý nghĩa của những từ ngữ “cực cấp” xuất hiện trong các bài tập đọc. *Thứ hai*, giáo viên hầu như không giải nghĩa và không chú ý khai thác nét hay, đẹp của những từ ngữ “cực cấp” hành chức trong các ngữ liệu dạy học. Từ đó dẫn đến tình trạng HS thường không hiểu ý nghĩa của những từ ngữ “cực cấp”, và ít áp dụng chúng vào tập làm văn; nếu có thì nhiều trường hợp dùng từ ngữ “cực cấp” không phù hợp.

Kết quả khảo sát trên đây là cơ sở thực tiễn để chúng tôi thực hiện các nghiên cứu tiếp theo về dạy học lớp từ ngữ có ý nghĩa “cực cấp” cho HS tiểu học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Tiếng Việt 5* (tập 1, 2), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Phạm Hùng Dũng (2013), *Các phương tiện thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Anh)*, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sĩ.
3. Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2002), *Đặc điểm ngữ pháp – ngữ nghĩa của vị từ có yếu tố đứng sau biểu thị mức độ cao trong tiếng Việt*, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sĩ.
4. Marina Prévot (2007), *Cực cấp trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 8.

Tổng biên tập

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. PHAN VĂN KHA

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN - CHỦ TỊCH

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS.TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BUI VĂN HỒNG

PGS. TS. NGUYỄN VŨ BÍCH HIỀN

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ CHI LAN

PGS.TS BUI VĂN HÙNG

TS. BUI ĐỨC TỬ - PHÓ CHỦ TỊCH

TS. LÊ HOÀNG HẢO

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạnSố nhà 41, ngõ 199, phố Khương Thượng
(ngõ 440 Trường Chinh), quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Fax: 024.36658761

Email: tapchitbged@yahoo.com.vn

Website: www.tapchithietbigiaoduc.vn

Văn phòng giao dịch phía Nam

TS. Bùi Đức Tử - Trưởng văn phòng đại diện

Tạp chí TBGD phía Nam

Số 15.06A. Cao ốc Srec. 974 Trường Sa.

Phường 12. Quận 3. TP Hồ Chí Minh.

ĐT: 0913882206; Email: bdtu@sgu.edu.vn

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 357/CBC-BCTƯ Ngày 15/12/2014

của Bộ Thông tin và Truyền thông

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thưng mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 35.000đ (Ba mươi lăm nghìn đồng)**MỤC LỤC - CONTENT****THIẾT BỊ VỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI - EQUIPMENT WITH NEW GENERAL EDUCATION PROGRAM**

- Nguyễn Đình Yên, Nguyễn Thị Phượng:** Quản lý thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở các trường tiểu học thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. - *Managing teaching equipment to meet the requirements of educational innovation in primary schools in Bac Ninh city, Bac Ninh province.* 1
- Vương Thị Hà:** Quản lý thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục ở các trường tiểu học Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - *Managing teaching equipment to meet the requirements of educational program innovation in primary schools in Nha Trang city, Khanh Hoa province.* 4
- Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thành Công:** Nghiên cứu về quản lý cơ sở vật chất trong các trường THCS vùng khó khăn huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang để đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. 7
- Trần Văn Hoàng, Phạm Đình Văn:** Thiết kế bộ công cụ kiểm tra đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn nội dung Trao đổi chất và Chuyển hóa năng lượng môn Sinh học lớp 10 - *Designing assessment toolkit of the competence to apply knowledge and skills into practice in Metabolism and Energy Metabolism of 10th grade's Biology* 10
- Trần Thị Mai Lan, Hoàng Nhật Minh Tạ Thị Kim Thu:** Thiết kế trò chơi học tập để tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 theo hướng phát triển năng lực người học. - *Designing games in teaching 2nd grade's Nature and Society following the competence-based approach* 13
- Ngô Thị Như Thủy:** Sử dụng RUBRICS trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên- *Using RUBRICS in assessing learning outcomes.* 16
- Lê Thị Lan Anh:** Giải pháp ứng phó với ChatGPT trong dạy và học ở trường đại học - *Solutions to cope with ChatGPT in teaching and learning at universities.* 19
- Hoàng Thị Tươi:** Phiếu đánh giá theo tiêu chí – công cụ đánh giá vì sự tiến bộ người học trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông. - *Criterion-based assessment sheet – an assessment tool for the progress of learners in teaching Geography in high schools.* 22
- Lê Thái Sơn, Kiều Anh Dũng, Ngô Ngọc Sơn, Ngô Văn Giang:** Chế tạo thiết bị đo chi phí thấp dành cho giảng dạy thực hành ngành Hàn dựa trên phương pháp tiếp cận CDIO - *Manufacturing low-cost measuring equipment for practical teaching of welding based on CDIO approach.* 25

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH

- Lê Thị Kim Huệ, Nguyễn Thị Lê Na, Nguyễn Thị Ngân, Đinh Thị Mai Linh:** Triển khai hoạt động giáo dục STEM cho học sinh tiểu học theo hướng dạy học hợp tác qua chủ đề Thực vật và Động vật. - *Implementing STEM education activities for primary school students following the cooperative approach with the topic of plants and animals.* 28
- Bùi Anh Thư, Hoàng Thị Vân:** Dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng gắn với thực tiễn - *Teaching Mathematics in primary schools in a practical way* 31
- Trần Ngọc Bích, Nguyễn Thu Huyền:** Rèn kĩ năng tính nhẩm cho học sinh lớp 2 trong dạy học môn Toán - *Practicing mental calculation skills for 2nd grade students in teaching Maths* 34
- Nguyễn Ngọc Thi:** Một số giải pháp nâng cao chất lượng lập hồ sơ, quản lý khai thác hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Trường tiểu học An Phú - *Solutions to improve the quality of record making, management and exploitation of records and archives at An Phu Primary School, Thuan An.* 37
- Phạm Minh Anh:** Cách tiếp cận văn bản đọc hiểu trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 (tập 2, bộ kết nối tri thức với cuộc sống) từ những trải nghiệm đời sống. - *Approach to reading comprehension text in the textbook of Literature 6 (volume 2, series Connecting knowledge with life) from life experiences.* 40
- Châu Thanh Nhã, Nguyễn Thị Hồng Vân:** Tổng quan bộ sách “kết nối tri thức với cuộc sống” lớp 3. - *Overview of the book series “Connecting knowledge with life” for 3rd grade.* 43
- Chu Thị Hà Thanh, Vũ Thị Yên Nhi:** Nghiên cứu, khảo sát lớp từ ngữ thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong sách tiếng Việt lớp 5. - *Research and survey the class of words expressing the meaning of “extreme” in 5th grade Vietnamese* 46
- Hoàng Thị Mỹ Hào:** Sử dụng hình ảnh, video clip tư liệu lịch sử trong giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang. - *Using images, video clips of historical documents in teaching the Ho Chi Minh Thought module at Nha Trang National College of Education* 48
- Tông Thị Hạnh, Nguyễn Thị Hà:** Tích hợp giáo dục STEAM vào một số học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên - *Integrating STEAM education into some modules in the Early Childhood Education program at Dien Bien College of Education* 51
- Nguyễn Thị Thu Hương:** Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực sinh viên đại học - *Application of information technology in teaching English subject in the direction of capacity development of university students* 54
- Bùi Thị Minh:** Biện pháp nâng cao kỹ năng nghe tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực - *Measures to improve English listening skills for students at Electric Power University.* 57
- Nguyễn Thanh Xuân:** Rèn luyện năng lực tự học tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Tiền Giang. - *Training English self-study ability for students at Tien Giang University.* 60